

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **399/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 12 - 12 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lưu Xông Pha.

Ông Huỳnh Văn Tới.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 594/2023/TLST-HNGĐ ngày 29/8/2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 377/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/10/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp 19/5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Trần Quốc K, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khóm 6B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/8/2023 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào năm 2008 chị Đ và anh K tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 25/02/2010 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 40/2010). Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trần Hồng N, sinh 30/9/2008 (Anh K đang nuôi dạy). Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận. Nguyên nhân mâu thuẫn chị Đ cho rằng vợ chồng tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không chung sống đã 09 năm, nhưng không hàn gắn trở lại.

Chị Đ yêu cầu ly hôn với anh K. Về con chung đồng ý giao cho anh Đ nuôi dạy, tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Đối với bị đơn:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:*

[3.1.1] Mỗi quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh K được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mỗi quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3.1.2] Xét thấy trong cuộc sống hôn nhân chị Đ và anh K không thực hiện tốt việc bình đẳng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, mà lại làm cho mỗi quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập các bên 02 lần để tham gia hoà giải, nhưng anh K đều không đến và chị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt thể hiện ý chí cương quyết ly hôn với anh K, nên có căn cứ xác định được chị Đ và anh K không còn quan tâm gì đối với mỗi quan hệ hôn nhân này và giữa đôi bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến các hệ lụy nêu trên, nếu tiếp tục duy trì mỗi quan hệ hôn nhân về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho chị Đ được ly hôn với anh K là phù hợp với Điều 51, Điều

56 Luật hôn nhân và gia đình. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 40/2010 ngày 25/02/2010 của Ủy ban nhân dân thị trấn S hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

[3.2] *Về con chung:*

[3.2.1] Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Cháu Trần Hồng N đã từ đủ 07 tuổi trở lên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của cháu N. Hội đồng xét xử xét thấy cháu N đang được anh K nuôi dạy và sau khi ly hôn chị Đ cũng thống nhất giao cháu N cho anh K tiếp tục nuôi dạy. Do đó, cần tiếp tục giao cháu N cho anh K trực tiếp nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; chị Đ có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với anh K; nếu chị Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3.2.2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Con chung giữa chị Đ và anh K được giao cho anh K trực tiếp nuôi dạy, theo quy định của pháp luật thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị Đ tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định thì mức cấp dưỡng không được thấp hơn 50% mức lương cơ bản (lương cơ bản hiện nay 1.800.000 đồng), nên mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng chị Đ tự nguyện cấp dưỡng là phù hợp. Do đó, cần buộc chị Đ cấp dưỡng cho cháu Trần Hồng N mỗi tháng là 1.000.000 đồng và phương thức cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo định quy định là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Đ cho rằng tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh K về vấn đề tài sản chung và nợ chung, nên không có căn cứ làm rõ và xem xét phần tài sản chung giữa chị Đ và anh K. Do đó, cần tách phần tài sản chung ra, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] *Xét về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Đ phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị Đ phải chịu án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Đ đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng Đ.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Hồng Đ ly hôn với anh Trần Quốc K.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 40/2010 ngày 25/02/2010 của Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung:

+ Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cho anh Trần Quốc K trực tiếp nuôi dạy cháu Trần Hồng N, sinh 30/9/2008. Chị Nguyễn Hồng Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, chị Đ có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với anh K; nếu chị Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Buộc chị Nguyễn Hồng Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Trần Hồng N, sinh 30/9/2008 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo quy định của pháp luật. Phương thức cấp dưỡng: 01 tháng cấp dưỡng 01 lần, thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày 12/12/2023. Khi có lý do chính đáng và có yêu cầu thì mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Kể từ ngày anh Trần Quốc K có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Nguyễn Hồng Đ chậm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên, thì chị Nguyễn Hồng Đ còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Hồng Đ phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị Nguyễn Hồng Đ phải nộp án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng, chị Nguyễn Hồng Đ đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007328 ngày 29/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ, số tiền án phí chị Nguyễn Hồng Đ phải nộp tiếp là 300.000 đồng (chưa nộp).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã K;
- UBND thị trấn S;
- Đường sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải